TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Ông **Nguyễn Đức Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H – sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 146/8, Khóm M, Phường M, thành phố B, tỉnh B

Chỗ ở: Nhà không số, đường số 10, khu dân dư T, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M – sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 146/8, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh B

Chỗ ở: Nhà không số, đường số 10, khu dân dư T, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông Trần Văn M tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh B. Quá trình chung sống nói chung hạnh phúc nhưng khoảng thời gian mười năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông M sống không có trách nhiệm với vợ con. Giữa ông bà không phù hợp về tính tình, thường xuyên xảy ra cải vã. Có nhiều lần sau khi cự cãi bà bị ngất phải vào bệnh viện điều trị do có bệnh tim. Ông M có đi làm nhưng không có đóng góp, lo lắng gì cho bà H và các con. Mọi chi phí, sinh hoạt trong gia đình đều do bà H lo. Bà H cố gắng sống với ông M do các con còn nhỏ, đến nay các con đã lớn và đã lập gia đình, có công việc ổn định mà mâu thuẫn giữa bà H và ông M vẫn không thể giải quyết được. Hiện nay tuy bà H và ông M vẫn còn sống chung nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, mỗi người tự kiếm sống riêng, không liên quan gì đến cuộc sống của nhau. Hiện bà H không còn tình cảm với ông M. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H với ông M có ba con chung tên Trần Hoài D, sinh năm 1990, Trần Thị Thanh T, sinh năm 1992 và Trần Minh N, sinh năm 1993. Do các con đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản tường trình, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông M và bà H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh B. Quá trình chung sống không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Vào khoảng năm 2013 thì bà H có cho em ruột mượn tiền nhưng không cho ông M biết nên sau đó vợ chồng có xảy ra cãi vã với nhau về việc này. Từ đó bà H giận ông M. Có nhiều lần sau khi cự cãi bà H bị ngất phải vào bệnh viện điều trị do có bệnh tim. Hiện nay giữa ông bà tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, mỗi người tự kiếm sống riêng, ông M làm nghề rửa xe tại nhà, thu nhập không nhiều nên không có đưa tiền cho bà H. Tuy nhiên, ông M xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H với ông M có ba con chung tên Trần Hoài D, sinh năm 1990, Trần Thị Thanh T, sinh năm 1992 và Trần Minh N, sinh năm 1993. Do các con đều đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, chưa đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông M. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Trần Văn M có địa chỉ cư trú tại Khóm M, Phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh H và ông Trần Văn M tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1988 và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2002. Nên hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng tại phiên tòa, bà H và ông M xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không nói chuyện được với nhau, do nói chuyện với nhau là xảy ra cự cãi từ hơn một năm. Có vài lần sau khi xảy ra cự cãi bà H bị ngất phải vào bệnh viện điều trị, do bà H bị bệnh tim. Khoảng nữa năm nay tuy còn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân, không quan tâm lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Bà H xác định bà có bệnh tim, nếu không ly hôn với ông M thì sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của bà, do hai bên thường xuyên cự cãi với nhau. Hiện bà H không còn tình cảm với ông M và kiên quyết xin ly hôn. Ông M xác định hiện nay không có cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng ông M vẫn còn thương bà H, nên không đồng ý ly hôn.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông M không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông M.

[2] Về con chung: Bà H và ông M thống nhất xác định quá trình chung sống, bà H với ông M có ba con chung tên Trần Hoài D, sinh năm 1990, Trần Thị Thanh T, sinh năm 1992 và Trần Minh N, sinh năm 1993. Do các con đều đã trưởng thành nên bà H và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Thanh H đối với ông Trần Văn M. Cho bà Trần Thị Thanh H được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Có ba con chung tên Trần Hoài D, sinh năm 1990, Trần Thị Thanh T, sinh năm 1992 và Trần Minh N, sinh năm 1993. Do các con đều đã trưởng thành nên bà H và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số

0008442 ngày 22/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND Phường 7, tỉnh Bạc Liêu
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam